

Hà Nội, ngày **04** tháng **4** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mẫu Chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2077/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu Chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Điều 2. Mẫu Chứng chỉ tiếng Việt có kích thước 13cm x 19 cm gồm hai (02) mặt:

1. Mặt ngoài có màu đỏ đậm, có hình Quốc huy, các chữ in màu vàng. Mặt trong có nền màu trắng, hình Quốc huy chìm chính giữa và hoa văn viền màu vàng, tên chứng chỉ có màu đỏ, các chữ khác có màu đen.

2. Cách ghi nội dung trên mẫu Chứng chỉ tiếng Việt của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Website Bộ;
- Lưu VT, Cục QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Handwritten signature]
Nguyễn Hữu Độ



Mẫu chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
(Kèm theo Quyết định số **820**/QĐ-BGDĐT
ngày **04** tháng **4** năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mặt ngoài



**CHỨNG CHỈ
TIẾNG VIỆT**

13 cm

19 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TIẾNG VIỆT

THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bậc.....⁽¹⁾

.....⁽²⁾

Cấp cho

Họ và tên: ⁽³⁾

Ngày sinh: ⁽⁴⁾

Quốc tịch: ⁽⁵⁾

Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Việt

Ngày thi: ⁽⁶⁾

Điểm thi: ⁽⁷⁾

Nghe: ⁽⁸⁾

Đọc: ⁽⁸⁾

Nói: ⁽⁸⁾

Viết: ⁽⁸⁾

.....⁽⁹⁾.....ngày.....tháng.....năm

Số hiệu: ⁽¹¹⁾

Số Quyết định: ⁽¹²⁾

Số vào sổ cấp chứng chỉ: ⁽¹³⁾

.....⁽¹⁰⁾.....

13 cm

19 cm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục

Cách ghi nội dung trên chứng chỉ tiếng Việt

(Kèm theo Quyết định số *820*/QĐ-BGDĐT ngày *02* tháng *1* năm *2014* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- (1) Ghi bậc theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.
- (2) Ghi tên đơn vị cấp chứng chỉ.
- (3) Ghi rõ họ tên người được cấp chứng chỉ, theo hộ chiếu.
- (4) Ghi ngày, tháng, năm sinh của người được cấp chứng chỉ theo hộ chiếu.
- (5) Ghi quốc tịch của người được cấp chứng chỉ theo hộ chiếu
- (6) Ghi ngày, tháng, năm tổ chức thi.
- (7) Ghi tổng điểm đạt được.
- (8) Ghi điểm của từng kỹ năng.
- (9) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan cấp chứng chỉ đặt trụ sở chính; ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ.
- (10) Thủ trưởng cơ sở giáo dục ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu theo quy định.
- (11) Ghi số hiệu chứng chỉ: là số do cơ quan in phôi viết khi cấp chứng chỉ
- (12) Ghi số quyết định cấp chứng chỉ.
- (13) Ghi số vào sổ cấp chứng chỉ: là số ghi vào sổ gốc cấp chứng chỉ.